TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN BÀN
TỈNH LÀO CAI
Bản án số: 08/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 06/4/2023.
V/v: "Tranh chấp xác định Cha cho con".

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN BÀN, TỈNH LÀO CAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Triệu Vĩnh Thái.
Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Đàm Sông Hương.
- Bà Vi Thị Loan.

Thư ký phiên tòa: Bà Lự Thị Như Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai tham gia phiên toà: Bà Nông Thị Mới - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 110/2022/TLST-HNGĐ ngày 21/11/2022 về việc "Tranh chấp xác định cha cho con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lương Thị H, sinh năm 1993.
Nơi cư trú: Thôn N, xã N, huyện V, tỉnh L - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Lương Thanh N, sinh năm 1990.
Nơi cư trú: Thôn N, xã K, huyện V, tỉnh L - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Hoàng Văn N, sinh năm 1994 - Vắng mặt không có lý do.
Nơi cư trú: Thôn L, xã H, huyện V, tỉnh L.

Người làm chứng: 1/ Anh Hoàng Văn N, sinh năm 1992 – Vắng mặt.
2/ Chị Lục Thị Đ, sinh năm 1996 – Vắng mặt.
3/ Ông La Ngọc V, sinh năm 1968 – Vắng mặt.
Đều cư trú tại: Thôn L, xã H, huyện V, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai và các tài liệu, chứng cứ kèm theo của chị Lương Thị H trình bày: Chị và anh Hoàng Văn N tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 13/9/2013 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh L. Quá trình chung sống do vợ chồng không hợp nhau nên phát sinh nhiều mâu thuẫn, chị và anh N sống ly thân với nhau từ năm 2016. Trong thời gian sống ly thân, năm 2019

chị đã quen biết và phát sinh quan hệ tình cảm với anh Lương Thanh N và có thai với anh N1. Đến ngày 04/9/2020 chị sinh một cháu gái tại bệnh viện đa khoa huyện Văn Bàn. Do thời điểm đó chị chưa ly hôn với anh Hoàng Văn N và theo quy định của pháp luật, con sinh ra trong thời kỳ hôn nhân là con chung của vợ chồng. Nên khi đi khai sinh cho con trên giấy khai sinh con Chị mang tên Lương Nhã L và xác định Cha là Hoàng Văn N. Ngày 27/4/2021 chị và anh N mới ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 38/2021/QĐST-HNGĐ của Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn. Đến ngày 11/5/2021 Chị và anh Lương Thanh N tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện V, tỉnh L. Sau khi kết hôn ngày 09/6/2022 anh Lương Thanh N đề nghị Công ty cổ phần công nghệ gen ứng dụng Việt Nam giám định gen (ADN) của anh N1 và gen (ADN) của cháu Lương Nhã L. Kết quả xét nghiệm AND số 220609.34 ngày 09/6/2022 của Công ty cổ phần công nghệ gen ứng dụng Việt Nam xác định anh Lương Thanh N có quan hệ huyết thống cha – con với Lương Nhã L với xác suất 99.9999%.

Ngoài ra, quá trình giải quyết vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn thụ lý vụ án số: 21/2021/TLST- HNGĐ ngày 03/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn giữa chị Lương Thị H và anh Hoàng Văn N do mâu thuẫn vợ chồng và vợ chồng đã ly thân từ năm 2016 nên khi sinh cháu Lương Nhã L do xác định không phải con của anh N nên anh N và chị H khai và xác định vợ chồng chỉ có 01 con chung là cháu Hoàng Việt Q mà không khai vợ chồng có cả cháu Lương Nhã L. Nên tại Quyết định số: 38/2021/QĐST-HNGĐ ngày 27/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn chỉ xem xét giải quyết giao cháu Hoàng Việt Q cho anh Hoàng Văn N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục mà không có đề cập gì đến cháu Lương Nhã L.

Đến nay để đảm bảo quyền lợi cho cháu Lương Nhã L, chị H đề nghị Tòa giải quyết xác định anh Lương Thanh N là cha đẻ của cháu Lương Nhã L, sinh ngày 04/9/2020. Ngoài vấn đề trên Chị không yêu cầu gì khác.

Về phía bị đơn anh Lương Thanh N trình bày: Năm 2019 anh quen biết và có tình cảm với chị Lương Thị H nhưng biết chị H đã có chồng là anh Hoàng Văn N và vợ chồng đang mâu thuẫn và sống ly thân với nhau từ năm 2016 nhưng chưa ly hôn. Quá trình quan hệ với chị H, kết quả chị H có thai với anh và đến ngày 04/9/2020 chị H sinh một con gái, do chưa ly hôn với chồng nên trên giấy khai sinh con chị H mang tên là Lương Nhã L và vẫn xác định cha của cháu là Hoàng Văn N. Đến ngày 27/4/2021 chị H và anh N mới ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 38/2021/QĐST-HNGĐ của Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn. Đến ngày 11/5/2021 anh và chị Lương Thị H tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện V, tỉnh L. Để xác định trách nhiệm của mình và xác định cháu Lương Nhã L có phải con đẻ của mình không, ngày 09/6/2022 Anh đề nghị Công ty cổ phần công nghệ gen ứng dụng Việt Nam giám định gen (ADN) của anh và gen (ADN) của cháu Lương Nhã L. Kết quả xét nghiệm AND số 220609.34 ngày 09/6/2022 của Công ty cổ phần công nghệ gen ứng dụng Việt Nam xác định anh có quan hệ huyết thống cha – con với Lương Nhã

L với xác suất 99.9999%. Như vậy cháu Lương Nhã L là con của anh, nên anh cũng đề nghị Tòa án xác định cháu Lương Nhã L là con đẻ của anh để anh thực hiện trách nhiệm của mình đối với con theo quy định của Pháp luật.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Văn N: Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án số 110/TB-TLVA ngày 21/11/2022 cho anh Hoàng Văn N, hết thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Thông báo thụ lý nhưng anh N không nộp cho Toà án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, yêu cầu phản tố. Sau đó Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn đã tống đạt hợp lệ giấy triệu tập; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ. Nhưng anh N, không chấp hành. Do vậy, hồ sơ vụ án không có ý kiến của anh N.

Tại phiên Tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn có ý kiến:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự đã thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

+ Về giải quyết vụ án: Đề nghị căn cứ Điều 147; Điều 227; Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 88; Điều 89; khoản 1 Điều 90; khoản 2 Điều 101; khoản 2 Điều 102 Luật hôn nhân gia đình; điểm b khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 26 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, giải quyết theo hướng:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lương Thị H, tuyên bố anh Lương Thanh N là cha của cháu Lương Nhã L, sinh ngày 04/9/2020.

Về án phí: Giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; căn cứ kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên; căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng dân sự:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Lương Thị H khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp về xác định cha cho con theo quy định tại khoản 2 Điều 88; Điều 89; khoản 1 Điều 90; khoản 2 Điều 101; khoản 2 Điều 102 Luật hôn nhân gia đình. Khoản 4 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 238 Bộ luật tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn và quan hệ pháp luật là "Tranh chấp xác định cha cho con."

[1.2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do; người làm chứng vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn chị Lương Thị H; bị đơn anh Lương Thanh N có đơn đề nghị xét xử

vắng mặt. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về nội dung vụ án:

Về yêu cầu khởi kiện xác định cha cho con: Chị Lương Thị H và anh Hoàng Văn N tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 13/9/2013 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh L. Ngày 04/9/2020 chị H sinh cháu Lương Nhã L trong thời kỳ hôn nhân với anh N, theo quy định tại khoản 1 Điều 88 luật hôn nhân và gia đình thì cháu L là con chung của chị H và anh N và tại giấy khai sinh của cháu Lương Nhã L xác định anh Hoàng Văn N là cha của cháu L. Tuy nhiên do vợ chồng anh N, chị H mâu thuẫn trầm trọng nên đã sống ly thân với nhau từ năm 2016. Năm 2019 chị H có tỉnh cảm và quan hệ tình dục với anh Lương Thanh N. Ngày 27/4/2021 chị H và anh N mới ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 38/2021/QĐST-HNGĐ của Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, trong đó không khai cháu Lương Nhã L là con chung của vợ chồng. Đến ngày 11/5/2021 anh Lương Thanh N và chị Lương Thị H tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện V, tỉnh L. Ngày 09/6/2022 anh Lương Thanh N đề nghị Công ty cổ phần công nghệ gen ứng dụng Việt Nam giám định gen (ADN) của anh N1 và gen (ADN) của cháu Lương Nhã L. Kết quả xét nghiệm AND số 220609.34 ngày 09/6/2022 của Công ty cổ phần công nghệ gen ứng dụng Việt Nam xác định anh Lương Thanh N có quan hệ huyết thống cha - con với Lương Nhã L với xác suất 99.9999%.

Bị đơn anh Lương Thanh N xác định năm 2019 có quan hệ tình cảm với chị Lương Thị H.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Văn N: Quá trình giải quyết vụ án không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị H, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Như vậy có đủ căn cứ xác định anh Lương Thanh N là cha đẻ của cháu Lương Nhã L, sinh ngày 04/9/2020. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lương Thị H, xác định anh Lương Thanh N là cha của cháu Lương Nhã L, sinh ngày 04/9/2020.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Lương Thanh N phải chịu án phí vụ án theo quy định của Pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 88; Điều 89; khoản 1 Điều 90; khoản 2 Điều 101; khoản 2 Điều 102 Luật hôn nhân gia đình. Khoản 1 Điều 147 và Điều 238 Bộ luật tố tụng Dân sự. Khoản 2 Điều 26 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xác định anh Lương Thanh N, sinh năm 1990, nơi cư trú: Thôn N, xã K, huyện V, tỉnh L là cha đẻ của cháu Lương Nhã L, sinh ngày 04/9/2020 do người mẹ là Lương Thị H đi khai sinh tại

Ủy ban nhân dân xã N, huyện V, tỉnh L theo giấy khai sinh số: 60/2022 ngày 07/6/2020.

2. Về án phí: Anh Lương Thanh N phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, niêm yết hoặc tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Sở tư pháp;
- UBND xã N;
- Chi cục THADS;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP, KT, TP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Triệu Vĩnh Thái